

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 10 năm 2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Vượng

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND TP. Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thúy N, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Bị đơn: Anh Hà Quốc H, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Trường Quân sự X, Đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Thúy N trình bày: Chị và anh Hà Quốc H lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 25/02/2005. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn chị và anh H sống chung cùng với bố mẹ đẻ chị đến năm 2016 thì vợ chồng ra ở riêng tại Khu

tập thể của Bộ chỉ huy quân sự X. Cuộc sống vợ chồng khi về chung sống đã không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh H chơi cờ bạc, thường xuyên tụ tập uống rượu. Năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị đã nộp đơn ra Tòa án nhân dân thành phố B để giải quyết ly hôn, nhưng sau do anh H bị bệnh phải đi viện, chị đã rút đơn về vợ chồng đoàn tụ, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc, anh H vẫn chơi bởi không quan tâm gì đến vợ con. Tháng 7 năm 2018 chị lại nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, từ khi chị nộp đơn chị và các con chuyển về ở cùng với bố mẹ đẻ chị và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Hà Quốc H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Hà Thái B, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Hà Khánh L, sinh ngày 09/8/2009. Hiện cả hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là công chức Nhà nước làm việc tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, thời gian chung sống với bố mẹ đẻ chị, vợ chồng chị không đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ đẻ chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không cho ai vay nợ và không vay nợ ai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với anh Hà Quốc H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ tài liệu nhưng anh H không đến Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2018, anh Hà Quốc H có trình bày: anh và chị N kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố B, tỉnh Bắc giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ vợ tại Tổ dân phố G đến năm 2014 thì chuyển ra ở riêng tại khu tập thể trường quân sự tỉnh Bắc Giang đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, hàng ngày anh vẫn cùng với chị N chăm sóc con cái, làm việc nhà. Năm 2016 anh có tát chị N, sau đó chị N có nộp đơn ly hôn tại Tòa án thành phố B, nhưng lại rút đơn về. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh vẫn yêu thương vợ con, anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Hà Thái B, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Hà Khánh L, sinh ngày 09/8/2009. Hiện cả hai con đang ở với chị. Khi ly hôn anh đồng ý để chị N được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Tại đơn đề ngày 14/9/2018 của hai cháu Hà Thái B và cháu Hà Khánh L trình bày: Các cháu là con của mẹ mẹ N và bố H, nếu bố mẹ ly hôn, các cháu muốn được ở với mẹ vì ở với mẹ các cháu được quan tâm, chăm sóc dạy dỗ chu đáo, thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt.

+ Tại biên bản làm việc ngày 05/9/2018, bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1948, địa chỉ: Số nhà V, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là mẹ đẻ của chị N trình bày: chị N và anh H kết hôn năm 2005, sau khi kết hôn chị N và anh H chung sống với vợ chồng bà đến năm 2014 thì chị N và anh H ở riêng tại Khu tập thể Trường quân sự tỉnh Bắc Giang. Trước năm 2014 chị N và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi cờ bạc nợ nần, gia đình có khuyên bảo nhưng không có kết quả. Anh H vẫn có trách nhiệm với vợ con, vẫn giúp chị N làm việc nhà. Hiện chị N và hai con đang ở cùng với vợ chồng bà. Nay chị N có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

- Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì anh H vắng mặt không có lý do.

- Ngày 04/10/2018 Tòa án đã mở phiên tòa, anh H đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N và xử cho chị Trịnh Thị Thúy N được ly hôn anh Hà Quốc H;

Về con chung: Giao cho chị N nuôi dưỡng hai con chung là cháu Hà Thái B, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Hà Khánh L, sinh ngày 09/8/2009. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu; Về án phí: Chị Trịnh Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Hà Quốc H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh H là phù hợp với qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thúy N và anh Hà Quốc H kết hôn ngày 25/02/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là phường D), thành phố B, tỉnh Bắc Giang và được Ủy ban nhân dân xã D (nay là phường D) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị N và anh H là tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cuộc sống vợ chồng: Chị N xác định cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn từ khi về chung sống với nhau và mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn đều là do anh H chơi cờ bạc và thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu không quan tâm gì đến vợ và các con. Còn anh H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh vẫn cùng với chị N chăm sóc con cái và làm việc nhà, anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con. Hội đồng nhận thấy, mặc dù anh H muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng anh H đều không có mặt để tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại các phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định anh H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Từ tháng 6/2018 chị N về chung sống cùng với bố mẹ đẻ chị N, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thúy N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có hai con chung là cháu Hà Thái B, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Hà Khánh L, sinh ngày 09/8/2009. Hiện các cháu đang do

chị N nuôi dưỡng, chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và nguyện vọng của hai cháu đều được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để các cháu có cuộc sống ổn định và theo nguyện vọng của hai cháu, nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung của chị N là phù hợp với quy định tại các Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2. 1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thúy N được ly hôn anh Hà Quốc H.

2. 2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Hà Thái B, sinh ngày 01/9/2005 và cháu Hà Khánh L, sinh ngày 09/8/2009 cho chị Trịnh Thị Thúy N nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. 3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001024 ngày 02/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

2. 4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKS TP. B;
- CCTHA dân sự TP;
- Các đương sự;
- UBND phường D, tỉnh Bắc Giang.
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo